

**Phụ lục 91**  
**BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ CHỢ MỚI**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số     /2025/NQ-HĐND ngày    tháng    năm 2025  
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

**A. ĐẤT Ở**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Nguyễn Huệ</b>		
	- Từ Thoại Ngọc Hầu - Phan Thanh Giản	5.700	
	- Từ Phan Thanh Giản - Trần Hưng Đạo	5.700	
<b>2</b>	<b>Nguyễn Thái Học</b>		
	- Rạch Ông Chưởng - Trần Hưng Đạo	5.700	
<b>3</b>	<b>Phạm Hồng Thái</b>		
	- Rạch Ông Chưởng - Trần Hưng Đạo	5.700	
<b>4</b>	<b>Lê Lợi</b>		
	- Nguyễn Hữu Cảnh - Phan Thanh Giản	9.500	
<b>5</b>	<b>Trần Hưng Đạo</b>		
	- Nguyễn Hữu Cảnh - Nguyễn Huệ	6.840	
<b>6</b>	<b>Nguyễn Hữu Cảnh</b>		
	- Bến đò qua Tân Long - cầu kênh Xáng	9.500	
	- Cầu Kênh Xáng - Nguyễn Huệ nối dài	3.600	
<b>7</b>	<b>Trần Hưng Đạo (nối dài)</b>		
	- Nguyễn Hữu Cảnh - sân vận động	3.600	

<b>TT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Giá đất</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>8</b>	<b>Quốc lộ 80B (Đường dẫn cầu ông Chưởng)</b>		
	- Đầu Cầu Ông Chưởng - Siêu thị Coopmart	3.600	
<b>9</b>	<b>Đường số 1</b>		Bổ sung
	- Từ đường Nguyễn Hữu Cánh - đường số 3	5.700	Bổ sung
<b>10</b>	<b>Hai Bà Trưng</b>		
	- Phạm Hồng Thái - Phan Thanh Giản	3.600	
<b>11</b>	<b>Thoại Ngọc Hầu</b>		
	- Nguyễn Huệ - Trần Hưng Đạo	3.600	
<b>12</b>	<b>Nguyễn Trung Trực</b>		
	- Nguyễn Huệ - Trần Hưng Đạo	3.600	
<b>13</b>	<b>Phan Thanh Giản</b>		
	- Nguyễn Huệ - Trần Hưng Đạo	2.700	
<b>14</b>	<b>Phan Đình Phùng</b>		
	- Nguyễn Huệ - Trần Hưng Đạo	2.700	
<b>15</b>	<b>Châu Văn Liêm</b>		
	- Trần Hưng Đạo - Quốc lộ 80B	2.700	
<b>16</b>	<b>Lý Thường Kiệt</b>		
	- Lê Lợi - Trần Hưng Đạo	2.700	
<b>17</b>	<b>Đường tỉnh 942 (cũ)</b>		
	- Nguyễn Hữu Cánh - Quốc lộ 80B	4.500	
<b>*</b>	<b>Khu dân cư Sao Mai</b>		

<b>TT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Giá đất</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>18</b>	<b>Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 7</b>	4.500	Bổ sung
<b>19</b>	<b>Đường đầu nối từ Trần Hưng Đạo đến đường Long Điền A-B</b>		
	- Từ Trần Hưng Đạo nối dài - Đường Long Điền A-B	3.240	Sửa tên đoạn đường
<b>20</b>	<b>Nguyễn Văn Hưởng</b>		
	- Nguyễn Hữu Cảnh - bờ kênh Xáng	2.550	Sửa tên đoạn đường
<b>21</b>	<b>Đường Cồn</b>		
	- Ngã 3 giáp Đường tỉnh 942 cũ trên - ngã 3 Đường tỉnh 942 cũ dưới	850	
<b>22</b>	<b>Đường bờ Kênh Xáng</b>		
	- Rạch ông Chưởng - Nguyễn Hữu Cảnh		
	- Rạch ông Chưởng - Đường số 3		
	- Nguyễn Hữu Cảnh - Ranh Long Điền	1.700	
<b>23</b>	<b>Nguyễn An Ninh</b>		
	- Lê Lợi - Trần Hưng Đạo	1.700	
<b>24</b>	<b>Nguyễn Thái Học (nối dài)</b>		
	- Trần Hưng Đạo - Quốc lộ 80B (đường dẫn Cầu Ông Chưởng)	1.700	
<b>25</b>	<b>Phạm Hồng Thái (nối dài)</b>		
	- Trần Hưng Đạo - Quốc lộ 80B (đường dẫn Cầu Ông Chưởng)	1.700	
<b>26</b>	<b>Nguyễn Huệ nối dài</b>		

<b>TT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Giá đất</b>	<b>Ghi chú</b>
	Đầu đường Trần Hưng Đạo - giáp ranh xã Long Điền	1.360	
<b>27</b>	<b>Đường Long Điền A-B</b>		
	- Nguyễn Hữu Cảnh - ranh Long Điền	1.020	Sửa tên đoạn đường
<b>28</b>	<b>Đường nhà Thiếu nhi</b>		
	- Từ Quốc lộ 80B (đường dẫn cầu Ông Chưởng) đến nhà Thiếu Nhi huyện Chợ Mới	1.020	
<b>*</b>	<b>Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã)</b>		
<b>29</b>	<b>Cụm dân cư Kiến Bình</b>	1.700	
<b>30</b>	<b>Nhà ông Đảm (trại cưa) - cầu Cái Xoài</b>	1.530	
<b>*</b>	<b>Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ Kiến An</b>		
<b>31</b>	<b>Chợ Quẩn Nhung (cầu Ông Chưởng - đầu cống xã Niếu)</b>	1.530	
<b>32</b>	<b>Cầu Cái Xoài - hết nhà ông Vũ (thửa 346, tờ 25)</b>	2.040	
<b>*</b>	<b>Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã)</b>		
<b>33</b>	<b>Khu vực Chợ Mương Lớn</b>	850	Sửa tên đường
<b>34</b>	<b>Khu dân cư Cà Mau</b>	765	
<b>*</b>	<b>Đất ở nông thôn tiếp giáp với Đường Quốc lộ (trừ trung tâm chợ và trung tâm hành chính xã)</b>		Sửa tên đường
<b>35</b>	<b>Quốc lộ 80B</b>		Sửa tên đường
	- Từ Cầu Ông Chưởng - Phà Thuận Giang	1.485	
<b>36</b>	<b>Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã</b>		

<b>TT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Giá đất</b>	<b>Ghi chú</b>
	- Ngã 3 cầu Thuận Giang - ranh xã Nhơn Mỹ	825	Sửa tên đoạn đường
	- Từ cầu Ngã tư Kiến Bình - Cầu Bảy Đực	500	
	- Cống Xã Niếu - cầu Mương Lớn	990	Sửa tên đoạn đường
	- Giáp trung tâm chợ Cái Xoài - ranh xã Nhơn Mỹ	825	Sửa tên đoạn đường
	- Hết nhà ông Vũ (thửa 346, tờ 25) - ranh xã Nhơn Mỹ	660	
	- Cầu Mương Lớn - nhà Ông Đảm (trại cura)	660	
	- Ngã 3 Cống Xã Niếu - cầu Ba Bé (tính bên đường nhựa)	495	
	- Ngã 3 phà Thuận Giang - Cầu Hòa Bình	495	
	- Cầu Sáu Biếm - Ranh xã Nhơn Mỹ	495	Sửa tên đoạn đường
	- Đường cộ hai Thới (QL 80B - kênh Cà Mau)	330	Sửa tên đoạn đường
	- Đường cộ (Từ cầu Đình (hướng ra cầu Hải Quân) đến cầu Hai Triết) và Mương Đường Tắc	495	
	- Đường Kênh Cà Mau (Cầu Mương Lớn trong - Khu dân cư Kiến Thành Cà Mau)	413	
	- Đường Kênh Cà Mau (từ Cầu Rẫy giáp ranh xã Nhơn Mỹ)	413	Sửa tên đoạn đường
	- Đường Kênh Cà Mau (Từ KDC Kiến Bình - Cầu Mương Lớn trong)	413	
	- Đường kênh Chà Và (từ kênh Cà Mau - Kênh Quyết Thắng Giáp xã Nhơn Mỹ)	500	Bổ sung
<b>37</b>	<b>Đường Kênh 5 (Từ Kênh Xã Niếu - kênh Mương Lớn)</b>		
	- Kênh Xã Niếu - kênh Mương Lớn	320	

<b>TT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Giá đất</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>38</b>	<b>Tuyến Kênh Mương Lớn (Cầu Mương Lớn - Kênh Cà Mau) (tính bên bờ bê tông)</b>	413	
<b>39</b>	<b>Tuyến Kênh Lung Giang (Từ kênh Mương Lớn - kênh Cái Xoài)</b>	413	
<b>40</b>	<b>Đường Kênh Ấp Chiến Lược (Từ Mương Lớn - UBND xã Kiến Thành mới)</b>	413	
<b>*</b>	<b>Đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</b>	320	Bổ sung
<b>41</b>	<b>Tuyến kênh Cái Xoài</b>		
	- Cầu Cái Xoài - khu dân cư Kiến Thành (ấp Kiến Thuận 2)	400	Bổ sung
<b>42</b>	<b>Tuyến kênh Ấp Sủ</b>		
	- Cầu Ấp Sủ - kênh Cà Mau	400	Bổ sung
<b>43</b>	<b>Từ UBND xã Kiến Thành (mới) - kênh Lung Giang</b>	420	Bổ sung
<b>44</b>	<b>Đường Kênh Ấp Chiến Lược (Từ kênh Cầu cống - Đường cộ Hai Thới)</b>	420	Bổ sung
<b>45</b>	<b>Các tuyến đường khác có nền đường <math>\geq 3\text{m}</math> được trải bê tông hoặc nhựa</b>	384	Bổ sung
<b>46</b>	<b>Các tuyến đường khác có nền đường <math>&lt; 3\text{m}</math> được trải bê tông hoặc nhựa</b>	350	Bổ sung
<b>47</b>	<b>Các tuyến đường còn lại</b>	320	Bổ sung

**B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

TT	Loại đất	Giá đất			Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	
<b>I</b>	<b>Khu vực thuộc các ấp: Long Hòa, Thị 1, Thị 2, ấp Thị</b>				
<b>1</b>	<b>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</b>	192			
<b>2</b>	<b>Đất trồng cây lâu năm</b>	240			
<b>II</b>	<b>Khu vực thuộc các ấp: Hòa Hạ, Hòa Thượng, Hòa Trung, Kiến Bình 1, Kiến Bình 2, Long Bình, Long Thượng, Long Hạ, Phú Thượng 2, Phú Thượng 3, Hòa Bình, Phú Thượng 1</b>				
<b>1</b>	<b>Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản</b>				
	- Tiếp giáp đường quốc lộ, địa bàn xã Kiến An cũ	102	81		
	- Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	87	70		
	- Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	58			
<b>2</b>	<b>Đất trồng cây lâu năm</b>				
	- Tiếp giáp đường quốc lộ, địa bàn xã Kiến An cũ	120	96		
	- Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	105	84		
	- Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	75			

TT	Loại đất	Giá đất			Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	
<b>III</b>	<b>Khu vực thuộc các ấp: Kiến Hưng 1, Kiến Hưng 2, Kiến Quới 1, Kiến Quới 2, Kiến Thuận 1, Kiến Thuận 2, Phú Hạ 1, Phú Hạ 2</b>				
<b>1</b>	<b>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</b>				
	- Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	73	58		
	- Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	44			
<b>2</b>	<b>Đất trồng cây lâu năm</b>				
	- Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	90	72		
	- Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	60			